

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 179/2022/HS-ST
Ngày 14-9-2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ái;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Phú Hiền và bà Bùi Diệu Huệ.
- Thư ký phiên tòa: Ông Chiêm Tiền Quý Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân
quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 201/2022/HSST, ngày 09 tháng 8 năm 2022; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 297/2022/QĐXXST-HS, ngày 31 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Thành T, sinh năm 1990, tại tỉnh Đồng Nai. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu S T, phường S T, thành phố L K, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu M và bà Nguyễn Thị Minh T; có vợ Nguyễn Thị Đài T1; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Ngày 25/3/2022, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra-Công an thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai ra quyết định khởi tố về “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; bị bắt tạm giam ngày 27-12-2021 “có mặt”.

*Bị hại: Chị Trần Thị Ngọc L, sinh năm 1975; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Nhà số 639/46/14, đường Hương Lộ 2, Khu phố 7, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của chị L: Anh Trịnh Minh Kiến Q, sinh năm 1976; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Nhà số B12/15, Ấp 2, xã T K, huyện B C, Thành phố Hồ Chí Minh “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2019, Nguyễn Thành T thông qua người bạn tên Khôi (không rõ lai lịch) làm nghề kinh doanh hạt nhựa nên mới quen biết với chị Trần Thị Ngọc L. Đến năm 2020, T vận chuyển thuê hạt nhựa cho chị L từ Hưng Yên về Long An; vào tháng 11/2020, T biết chị L có nhu cầu mua hạt nhựa để bán lại kiếm lời nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của chị L. Sau đó, T giả vờ nói với chị L là có nguồn hàng 02 container hạt nhựa, bán giá 11.000 đồng/kg, số lượng 18 tấn muốn bán cho chị L với giá thấp hơn giá thị trường rồi gửi kèm hình ảnh hạt nhựa qua

Zalo cho chị L xem. Do thấy giá rẻ và tin tưởng T nên ngày 04/12/2020, chị L đặt cọc cho T bằng hình thức chuyển khoản internet banking từ số tài khoản của chị L sang số tài khoản của T với số tiền 25.000.000 đồng và ngày 05/12/2020 là 5.000.000 đồng. Sau đó, T đưa ra nhiều lý do khác nhau như: hàng hóa đang trên đường vận chuyển về Việt Nam, đang thông quan hàng hóa nên ngày 11/12/2020, T tiếp tục yêu cầu chị L chuyển khoản đặt cọc thêm số tiền 40.000.000 đồng và chị L đã thực hiện theo yêu cầu của T. Lúc này, do thấy chị L còn tin tưởng nên T tiếp tục dùng thủ đoạn gian dối như trên, T chào hàng 01 container hạt nhựa, bán bán giá 9.000 đồng/kg, số lượng 18 tấn và gửi hình ảnh container hạt nhựa qua Zalo cho chị L xem thì chị L tin và đồng ý nên ngày 15/12/2020, chị L chuyển khoản số tiền 30.000.000 đồng và ngày 16/12/2020 là 40.000.000 đồng vào tài khoản của T. Sau đó, với thủ đoạn tương tự, T tiếp tục chào hàng hạt nhựa trong 02 container khác, mỗi container 18 tấn, bán giá 11.500 đồng/kg và nói với chị L là các container chị L đã đặt cọc sắp về đến Việt Nam nên ngày 31/12/2020, chị L đồng ý chuyển khoản đặt cọc cho T số tiền 70.000.000 đồng. Không dừng lại đó, T tiếp tục nói với chị L để kịp lấy 02 container ban đầu về Việt Nam, tiền thuê kho bãi, thủ tục thông quan tốn thời gian nên phải chuyển thêm tiền đặt cọc cho T nên ngày 08/01/2021, chị L chuyển khoản số tiền 55.000.000 đồng và ngày 15/01/2021 là số tiền 19.500.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền đặt cọc T đã chiếm đoạt của chị L là 284.500.000 đồng (*trong đó, giao dịch mua bán lần thứ là 02 container hạt nhựa và T nhận tiền cọc của chị L là 144.500.000 đồng; lần thứ hai, 01 container là 70.000.000 đồng và lần thứ ba, 02 container là 70.000.000 đồng*). Đồng thời, để có tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ, T đã vay của chị L số tiền 300.000.000 đồng có làm hợp đồng công chứng. Do sau nhiều lần chị L yêu cầu T giao các container hạt nhựa cho chị L nhưng T không giao hàng và cũng không trả lại số tiền đã đặt cọc cùng với tiền nợ của chị L nên chị L đến Công an phường Bình Trị Đông trình báo sự việc. Sau khi tiếp nhận tin báo và lập hồ sơ ban đầu, Công an phường Bình Trị Đông đã chuyển cho Cơ quan điều tra giải quyết theo thẩm quyền và tại đây, T đã khai nhận toàn bộ hành vi như vừa mới nêu.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thành T đã khai nhận: Do quen biết với chị Trần Thị Ngọc L có nhu cầu tìm mua hạt nhựa để bán lại kiếm lời nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của chị L. Sau đó, bị cáo dùng thủ đoạn gian dối đối với chị L bằng cách thức cụ thể như sau: *Lần thứ nhất*, bị cáo giả vờ chào hàng 02 container hạt nhựa, bán giá 11.000 đồng/kg, số lượng 18 tấn, muốn bán cho chị L với giá thấp hơn giá thị trường và có gửi hình ảnh container hạt nhựa qua Zalo cho chị L xem; khi đó, chị L tin nên đặt cọc cho bị cáo bằng hình thức chuyển khoản internet banking từ số tài khoản của chị L sang số tài khoản của bị cáo với số tiền 30.000.000 đồng; sau đó, bị cáo tiếp tục viện cớ về chi phí tiền thuê kho bãi, thủ tục thông quan nên yêu cầu chị L phải chuyển thêm tiền đặt cọc cho bị cáo và chị L đã chuyển 03 đợt với số tiền 114.500.000 đồng cho bị cáo. *Lần thứ hai*, bị cáo tiếp tục chào hàng 01 container hạt nhựa khác, bán giá 9.000 đồng/kg, số lượng 18 tấn và gửi hình ảnh container hạt nhựa qua Zalo cho chị L xem thì chị L tin và đồng ý mua và chuyển khoản đặt cọc 02 đợt lô hàng này với số tiền 70.000.000 đồng cho bị cáo. *Lần thứ ba*, cũng như các lần trước, bị cáo lại tiếp tục

chào hàng 02 container hạt nhựa khác, mỗi container chứa 18 tấn, bán giá 11.500 đồng/kg và nói với chị L là các container chị L đã đặt sắp về đến Việt Nam nên chị L đã chuyển khoản đặt cọc lô hàng này với số tiền 70.000.000 đồng cho bị cáo. Riêng đối với số tiền 300.000.000 đồng là tiền bị cáo mượn của chị L có làm hợp đồng công chứng và toàn bộ số tiền chiếm đoạt cũng như mượn được của chị L thì bị cáo đã tiêu xài hết trước khi bị Công an bắt giữ nên nay bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo thống nhất về tổng số tiền đã chiếm đoạt của chị L là 284.500.000 đồng và chấp nhận bồi thường thiệt hại cho chị L số tiền này như yêu cầu của phía bị hại đưa ra.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại chị Trần Thị Ngọc L là anh Trịnh Minh Kiến Q thừa nhận lời khai trên của bị cáo là đúng nên nay anh yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho chị L số tiền 284.500.000 đồng, ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

Bản cáo trạng số 167/CT-VKS ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Thành T ra trước Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận có ý kiến: Bị cáo Nguyễn Thành T đã có ý định chiếm đoạt tiền của chị Trần Thị Ngọc L từ trước rồi sau đó dùng thủ đoạn gian dối, bị cáo đã nhiều lần lấy được của chị L với tổng số tiền 284.500.000 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và phải chịu tình tiết tăng nặng là “Phạm tội 02 lần trở lên” cần phải xử bị cáo với mức án thật nghiêm. Tuy nhiên, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nghĩ nên xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu. Do đó, giữ nguyên quyết định đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo với mức án từ 09 năm đến 10 năm tù về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Về trách nhiệm dân sự, buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho chị L số tiền 284.500.000 đồng.

Bị cáo không tranh luận và bào chữa gì về hành vi đã bị truy tố, còn lời nói sau cùng thì xin giảm nhẹ mức hình phạt; còn đại diện theo ủy quyền của bị hại cũng không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra – Công an quận Bình Tân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo Nguyễn Thành T tại phiên tòa hôm nay cho thấy: Do có ý định chiếm đoạt tài sản của người khác từ trước nên trong khoảng thời gian bắt đầu từ tháng 11/2020 đến ngày 15/01/2021, bị cáo đã 03 lần thực hiện hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tiền của chị Trần Thị Ngọc L được diễn ra tại nhà số 639/46/14, đường Hương Lộ 2, Khu phố 7, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, cụ thể như sau: *Lần thứ nhất*, bị cáo giả vờ chào hàng 02 container hạt nhựa, bán giá 11.000 đồng/kg, số lượng 18 tấn, muốn bán cho chị L với giá thấp hơn giá thị trường và có gửi hình ảnh container hạt nhựa qua Zalo cho chị L xem; khi đó, chị L đã đặt cọc cho bị cáo bằng hình thức chuyển khoản internet banking từ số tài khoản của chị L sang số tài khoản của bị cáo với số tiền 30.000.000 đồng rồi sau đó, bị cáo tiếp tục viện cớ về chi phí tiền thuê kho bãi, thủ tục thông quan nên chị L đã chuyển 03 đợt với số tiền 114.500.000 đồng cho bị cáo. *Lần thứ hai*, bị cáo tiếp tục chào hàng 01 container hạt nhựa khác, bán giá 9.000 đồng/kg, số lượng 18 tấn và gửi hình ảnh container hạt nhựa qua Zalo cho chị L xem thì chị L tin và đồng ý mua và chuyển khoản đặt cọc 02 đợt lô hàng này với số tiền 70.000.000 đồng cho bị cáo. *Lần thứ ba*, cũng như các lần trước, bị cáo lại tiếp tục chào hàng 02 container hạt nhựa khác, mỗi container 18 tấn, bán giá 11.500 đồng/kg và nói với chị L là các container chị L đã đặt sắp về đến Việt Nam nên chị L đã chuyển khoản đặt cọc lô hàng này với số tiền 70.000.000 đồng cho bị cáo. Như vậy, tổng số tiền bị cáo đã nhận được của chị L là 284.500.000 đồng dưới hình thức chuyển khoản và bị cáo đã rút toàn bộ số tiền này tiêu xài hết mà không làm gì cho chị L như giao kết. Do đó, bị cáo đã phạm “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai trước đây tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại; vật chứng là các tài liệu, giấy tờ, chứng từ thu giữ được...nên đã đủ chứng cứ buộc tội bị cáo và mức án đề nghị của Kiểm sát viên vừa nêu trên là có cơ sở chấp nhận. Riêng đối với số tiền 300.000.000 đồng mà bị cáo mượn của chị L có làm hợp đồng công chứng là giao dịch dân sự nên không có cơ sở để xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, đã có hành vi trực tiếp dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt trái phép tài sản của người khác là không những xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai, vi phạm pháp luật nhưng cố ý thực hiện nhằm mục đích có tiền để thỏa mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân. Đồng thời, bị cáo đã 03 lần thực hiện hành vi này trong các giao dịch khác nhau với mỗi lần đều có số tiền trên 2.000.000 đồng nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên”, theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, cần phải xử bị cáo với mức án thật nghiêm và tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra thì mới có đủ sức giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần được xem xét giảm nhẹ cho

bị cáo một phần hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng*”; do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp và không có điều kiện kinh tế nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Xét tại phiên tòa hôm nay, bị hại là chị Trần Thị Ngọc L có anh Trịnh Minh Kiên Q làm đại diện theo ủy quyền yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho chị L số tiền 284.500.000 đồng và được bị cáo đồng ý là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[7] Bị cáo Nguyễn Thành T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành T phạm “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về điều luật áp dụng và phạt: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015; phạt bị cáo Nguyễn Thành T 09 (chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 27-12-2021.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; các điều 585, 586, 589, 357 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Nguyễn Thành T bồi thường thiệt hại cho chị Trần Thị Ngọc L số tiền 284.500.000 (hai trăm tám mươi bốn triệu năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày chị Trần Thị Ngọc L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Nguyễn Thành T chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu thêm cho chị L tiền lãi theo mức lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được quy định tại các điều 357 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo Nguyễn Thành T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 14.225.000 (mười bốn triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Thành T và bị hại chị Trần Thị Ngọc L (có anh Trịnh Minh Kiên Q làm đại diện theo ủy quyền) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

(Đã giải thích quy định về quyền yêu cầu thi hành dân sự cho bị cáo)

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND QBT;
- CA QBT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ – Văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Văn Ái